

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện “Đề án phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung, đảm bảo truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Quyết định số 4765/QĐ-BNN-TT ngày 09/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt “Đề án phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung, đảm bảo truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2030” (viết tắt là Đề án).

Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện “Đề án phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung, đảm bảo truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Gia Lai (viết tắt là Kế hoạch), với những nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong Đề án nhằm tăng cường đẩy mạnh việc tổ chức lại sản xuất, phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung trên địa bàn tỉnh theo chuỗi giá trị, liên kết chặt chẽ giữa người trồng rau với hợp tác xã, tổ hợp tác và doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ sản phẩm rau.

- Xác định các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm, các giải pháp phù hợp để phát triển sản xuất rau an toàn (rau đảm bảo điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm, tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, Organic) gắn với nhu cầu thị trường, các cơ sở chế biến; phù hợp với lợi thế từng vùng, từng địa phương về điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng; sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên nước, nhân lực; thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường sinh thái; đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng rau ngày càng đa dạng của người dân Gia Lai, người tiêu dùng trong và ngoài nước.

2. Yêu cầu

- Phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung đảm bảo phù hợp với Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 11/11/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai (Khóa XV) về phát triển sản xuất rau, hoa và cây ăn quả trên địa bàn tỉnh Gia Lai đến năm 2030, định hướng đến năm 2040; Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 26/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về phê duyệt Đề án phát triển sản xuất rau, hoa và cây ăn quả trên địa bàn tỉnh Gia Lai đến năm 2030, định hướng đến năm 2040.

- Trên cơ sở nội dung các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch này; các sở, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch và triển khai các nhiệm vụ cụ thể, chi tiết; tổ chức thực hiện hiệu quả, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu đề ra.

- Tổ chức kiểm tra, theo dõi, giám sát thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch; thường xuyên đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện đạt kết quả các chỉ tiêu đề ra.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung trên địa bàn tỉnh theo hình thức liên kết chuỗi giá trị bền vững, bảo đảm truy xuất nguồn gốc, gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ nhằm đảm bảo cho người dân Gia Lai và người tiêu dùng trong nước được sử dụng rau xanh an toàn và hướng đến phát triển, xuất khẩu bền vững; góp phần đảm bảo an ninh lương thực, an toàn vệ sinh thực phẩm, nâng cao sức khỏe cộng đồng.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Phát triển, mở rộng diện tích rau khoảng 30.000 ha. Xây dựng vùng nguyên liệu rau an toàn, tập trung, đảm bảo truy xuất nguồn gốc khoảng 9.000 - 10.000 ha. Hình thành các vùng sản xuất rau xanh an toàn hàng hóa tập trung ứng dụng công nghệ cao, thực hành sản xuất đạt tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, Organic với diện tích đất canh tác khoảng 700 ha.

- Sản lượng rau Gia Lai đạt khoảng 1,3 - 1,4 triệu tấn; trong đó, sản lượng rau phục vụ chế biến khoảng 55.000 - 60.000 tấn.

- Trên 95% số mẫu rau được thanh tra, kiểm tra đạt tiêu chuẩn an toàn.

- Tỷ lệ diện tích rau an toàn, tập trung, đảm bảo truy xuất nguồn gốc khoảng 30 - 33% tổng diện tích rau của tỉnh.

- Giá trị kim ngạch xuất khẩu rau đạt khoảng 55 - 60 triệu đô la Mỹ.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ

1.1. Nghiên cứu xây dựng, ban hành các quy định phù hợp nhằm tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển sản xuất, chế biến rau; ứng dụng khoa học công nghệ mới trong toàn bộ quá trình sản xuất nhằm tạo ra sản phẩm rau chất lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, có khả năng cạnh tranh cao.

1.2. Rà soát, khoanh vùng, định hướng để phát triển các vùng chuyên canh rau an toàn, tập trung theo hướng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, tưới tiết kiệm để xây dựng kế hoạch tổ chức sản xuất phù hợp. Xây dựng một số mô hình điểm về ứng dụng công nghệ cao, tưới tiết kiệm, áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP), nông nghiệp hữu cơ (Organic) và xây dựng mô hình điểm liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. Trước mắt tập trung củng cố và thành lập mới các hợp tác xã hoặc kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư vào các vùng sản xuất rau xanh hàng hóa hiện có (tại thành phố Pleiku, thị xã An Khê, thị xã Ayun Pa và các huyện Đak Pơ, Kông Chro, Đak Đoa, Ia Grai, Kbang, Phú Thiện) để phát triển, hình thành các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung, chuyên canh, an toàn vệ sinh thực phẩm, đảm bảo truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

1.3. Tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị, chế biến, tạo ra những sản phẩm chất lượng, có giá trị gắn với việc xây dựng thương hiệu, cấp mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói theo quy định; thực hiện tốt và có hiệu quả Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) đối với việc chứng nhận sản phẩm rau an toàn.

1.4. Đào tạo, tập huấn phát triển nguồn nhân lực (đội ngũ cán bộ, nông dân, hợp tác xã, tổ hợp tác,...) phục vụ phát triển sản xuất rau an toàn phù hợp với yêu cầu công nghệ mới và nhu cầu thị trường; xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý đủ điều kiện và năng lực để thực hiện nhiệm vụ quản lý nguồn giống, vật tư đầu vào (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật) và an toàn thực phẩm (kể cả năng lực đánh giá và tổ chức chứng nhận sản phẩm rau, củ quả an toàn) tại địa phương; đẩy mạnh việc hình thành và phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác.

1.5. Tập trung và ưu tiên hỗ trợ, xây dựng hệ thống tưới, tiêu phù hợp cho các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung, có quy mô lớn gắn với việc liên kết và tổ chức tiêu thụ sản phẩm. Hỗ trợ liên kết sản xuất, kết nối thị trường tiêu thụ để tìm đầu ra ổn định cho các sản phẩm rau an toàn, qua đó hình thành mô hình sản xuất nông nghiệp bền vững; tạo việc làm, cải thiện thu nhập cho người dân và góp phần phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh giai đoạn từ nay đến năm 2030.

2. Giải pháp thực hiện

2.1. Về thông tin, tuyên truyền

- Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý và nhân dân về định hướng, chủ trương đẩy mạnh sản xuất, phát triển rau an toàn:

+ Tổ chức quán triệt, phổ biến sâu rộng chủ trương, chính sách về phát triển sản xuất rau an toàn đến cán bộ quản lý, người lao động và mọi tầng lớp nhân dân để tạo sự đồng thuận, chung sức và quyết tâm cao trong tổ chức thực hiện.

+ Xây dựng tài liệu tuyên truyền, phổ biến các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị có hiệu quả và cơ chế chính sách phát triển rau an toàn trên địa bàn tỉnh.

+ Tổ chức các lớp tập huấn về kỹ thuật canh tác, nâng cao chất lượng và an toàn thực phẩm đối với sản xuất rau nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng rau trong nước và xuất khẩu.

- Mở chuyên trang, chuyên mục về hướng dẫn sản xuất và giới thiệu các sản phẩm rau an toàn trên cổng thông tin của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

2.2. Về tổ chức sản xuất

- Trên cơ sở định hướng của tỉnh tại Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 26/02/2021 về phê duyệt Đề án phát triển sản xuất rau, hoa và cây ăn quả trên địa bàn tỉnh Gia Lai đến năm 2030, định hướng đến năm 2040: Các địa phương (huyện, thị xã, thành phố) tổ chức rà soát, xác định, xây dựng chi tiết vùng sản xuất thâm canh tập trung cho từng loại rau ở từng địa bàn thôn, xã, gắn với việc xây dựng, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận; xây dựng hệ thống thu mua, bảo quản, sơ chế, chế biến và tiêu thụ sản phẩm trên cơ sở khai thác lợi thế về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên, thực hiện chuyển đổi diện tích cây trồng kém hiệu quả sang trồng rau theo chuỗi giá trị, chế biến sâu, tạo ra những thương phẩm có giá trị gia tăng lớn gắn với phát triển du lịch sinh thái và xây dựng nông thôn mới tại địa phương.

- Tiếp tục thực hiện chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; phối hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp định hướng quy mô vùng trồng rau, ưu tiên tại các vùng tập trung; thúc đẩy hình thành các chuỗi liên kết sản xuất rau từ xây dựng vùng trồng đến chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

- Các địa phương (huyện, thị xã, thành phố) cần thực hiện đồng bộ giải pháp hỗ trợ phát triển hợp tác xã cả về chiều rộng và chiều sâu, đặc biệt chú trọng hỗ trợ thành lập mới và nâng cao năng lực cho các thành viên hợp tác xã và các tổ chức, cá nhân trong hoạt động sản xuất, kinh doanh rau an toàn để xây dựng mối liên kết bền vững giữa doanh nghiệp với hộ sản xuất rau. Áp dụng các cơ chế hiện có để hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác tổ chức thực hiện các mô hình điểm về ứng dụng công nghệ cao, tưới tiên tiến, tiết kiệm nước và chứng nhận theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, Organic.

- Đối với hộ gia đình sản xuất rau, cần liên kết với doanh nghiệp thông qua hợp tác xã và tổ hợp tác để sản xuất rau tại các vùng tập trung, gắn với tiêu thụ sản phẩm; xây dựng mã số vùng trồng, bảo đảm truy xuất nguồn gốc; tham gia các khóa đào tạo, tập huấn chuyển giao khoa học công nghệ về quy trình sản xuất rau an toàn, sơ chế, bảo quản rau,...

2.3. Về áp dụng khoa học và công nghệ

- Hỗ trợ và khuyến khích các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp nông nghiệp, cơ sở sản xuất giống cây trồng, đầu tư để tăng cường áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, ứng dụng công nghệ cao.

- Nghiên cứu ứng dụng có hiệu quả công nghệ sinh học trong lai tạo, sản xuất các giống rau đạt tiêu chuẩn và chất lượng cao, đảm bảo cung ứng giống tốt để phục vụ cho nhu cầu sản xuất của người dân. Sử dụng các giống có năng suất chất lượng cao, phù hợp với các tiểu vùng sinh thái tại Gia Lai; đưa vào trồng mới và ứng dụng kỹ thuật để bố trí sản xuất trái vụ, rải vụ thu hoạch để đảm bảo nguồn cung và nâng cao hiệu quả sản xuất.

- Khảo nghiệm, du nhập các giống mới có năng suất cao, chất lượng tốt, kháng sâu bệnh, thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu và khoảng thời gian thu hoạch kéo dài để bổ sung vào cơ cấu giống rau của tỉnh; ưu tiên sản xuất các giống rau phục vụ xuất khẩu.

- Tăng cường ứng dụng kỹ thuật tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ mới vào sản xuất rau như: Công nghệ trồng cây trong nhà kính; công nghệ trồng cây trong dung dịch (thủy canh), khí canh và trên giá thể; công nghệ tưới nhỏ giọt tự động; công nghệ bảo quản và các phương pháp chế biến tiên tiến.

- Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện quy chuẩn kỹ thuật sản xuất rau an toàn theo hướng ứng dụng công nghệ cao, bền vững; tăng cường sử dụng phân bón hữu cơ, vi sinh và thuốc bảo vệ thực vật sinh học; hạn chế sử dụng hóa chất vô cơ; chuyển giao quy trình sản xuất rau an toàn vào thực tiễn sản xuất.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin thúc đẩy chuyển đổi số, truy xuất nguồn gốc trong sản xuất rau an toàn.

- Xây dựng, hoàn thiện các tiêu chuẩn truy xuất nguồn gốc từ mã vạch và công tác giám sát, kiểm soát chất lượng sản phẩm thông qua dữ liệu điện toán đám mây và công nghệ số hóa.

2.4. Về thị trường tiêu thụ

- Đối với thị trường trong nước, tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và hộ gia đình xây dựng thương hiệu sản phẩm rau an toàn, gắn với mã số vùng trồng và chỉ dẫn địa lý; đa dạng hóa các kênh phân phối rau an toàn; đẩy mạnh các hoạt động kết nối cung cầu, triển lãm, quảng bá, xúc tiến thương mại,... để người tiêu dùng trong nước có đủ thông tin về sản phẩm rau Gia Lai.

- Đối với thị trường xuất khẩu: Tăng cường năng lực nghiên cứu, dự báo thị trường; tiếp tục giữ vững những thị trường tiêu thụ rau truyền thống; đẩy mạnh xúc tiến mở rộng các thị trường mới và đa dạng hóa thị trường nhất là phát triển các thị trường tiềm năng, thị trường trọng điểm; tìm kiếm, khai thác các thị trường mới mà rau Gia Lai có lợi thế về chủng loại, chất lượng, mùa vụ. Cụ thể:

+ Sản phẩm rau tươi tập trung vào thị trường có khoảng cách địa lý gần hoặc tương đối gần để giảm chi phí dịch vụ vận chuyển và tỷ lệ hư hao sản phẩm, nhất là các thị trường Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản và các nước Asean.

+ Sản phẩm rau chế biến tập trung vào thị trường các nước phát triển và có khoảng cách địa lý xa như: EU, Mỹ, Úc, Trung Đông.

+ Các sản phẩm rau đặc sản, rau gia vị tập trung vào thị trường các nước phát triển có nhiều người Việt Nam sinh sống như: EU, Mỹ, Đông Âu, Úc.

2.5. Về nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước

- Phân công đầu mối quản lý và trách nhiệm cụ thể của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong công tác quản lý và phát triển sản xuất rau an toàn trên địa bàn. rà soát, hướng dẫn, cụ thể hóa các văn bản quy phạm pháp luật để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với phát triển sản xuất rau an toàn tại địa phương.

- Nâng cao vai trò và hiệu quả quản lý nhà nước nhất là kiểm soát nguồn vật tư đầu vào (giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật), đảm bảo không ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm rau.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh rau trên địa bàn theo phân công, phân cấp; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện theo hệ thống quản lý chất lượng an toàn thực phẩm đối với các cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận; hỗ trợ chứng nhận sản xuất nông nghiệp tốt (GAP), nông nghiệp hữu cơ (Organic). Xử lý kịp thời các hành vi gian lận thương mại trong sản xuất, kinh doanh; không để tình trạng sản phẩm rau kém chất lượng, không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm lưu thông trên thị trường, gây ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân.

2.6. Về đầu tư tăng cường năng lực

- Thực hiện đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư phát triển sản xuất rau theo hướng xã hội hóa, chủ yếu là vốn của doanh nghiệp và người dân. Các hộ gia đình đầu tư hình thành vùng sản xuất rau tập trung. Hợp tác xã, tổ hợp tác liên kết với các hộ gia đình và doanh nghiệp đầu tư cơ sở sơ chế, bảo quản rau. Doanh nghiệp đầu tư xây dựng vùng nguyên liệu, cơ sở sơ chế, nhà máy chế biến, thương hiệu sản phẩm rau,...

- Ngân sách nhà nước đầu tư, hỗ trợ đầu tư phát triển sản xuất rau theo quy định của pháp luật để thực hiện các nhiệm vụ: Nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ; đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, ưu tiên nguồn nhân lực sản xuất rau an toàn; cơ sở vật chất cho các cơ sở nghiên cứu, sản xuất, chế biến rau; hạ tầng vùng sản xuất rau tập trung (giao thông, thủy lợi, điện); chợ đầu mối; xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm rau,...

2.7. Kinh phí thực hiện

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch này bao gồm: Ngân sách nhà nước (ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh, ngân sách cấp huyện); các nguồn tài trợ, viện trợ, nguồn huy động hợp pháp khác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

- Các địa phương (huyện, thị xã, thành phố) có trách nhiệm bố trí ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp khác để triển khai thực hiện các hoạt động phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung, bảo đảm truy xuất nguồn gốc gắn với phát triển cơ sở sơ chế, chế biến rau tươi an toàn và phát triển thị trường tiêu thụ rau tại địa phương theo quy định của pháp luật.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là đơn vị đầu mối, chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các sở, ngành, đơn vị, địa phương có liên quan tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch này; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị thuộc Sở và hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện.

- Tuyên truyền, phổ biến các cơ chế, chính sách, chủ trương của Trung ương, của tỉnh về khuyến khích phát triển rau an toàn. Tăng cường công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn, chú trọng đào tạo nghề cho lao động tại các trang trại, doanh nghiệp nông nghiệp; tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, hướng dẫn, tập huấn liên quan giám sát, chứng nhận rau an toàn trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường công tác nghiên cứu, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật tiên tiến, nguồn giống có hiệu quả cho người sản xuất; hằng năm, tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm về phát triển rau an toàn tại các địa phương trong và ngoài tỉnh.

- Tăng cường công tác quản lý chuyên ngành việc sản xuất, kinh doanh, buôn bán giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật,...; đẩy mạnh việc thiết lập, xây dựng mã số vùng trồng; kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm trong thực hành sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản rau an toàn; xây dựng chuỗi liên kết sản xuất, cung ứng sản phẩm rau an toàn bền vững, đảm bảo về chất lượng, số lượng và an toàn thực phẩm cho hoạt động chế biến và xuất khẩu.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tổng hợp nhu cầu; hàng năm (vào thời điểm xây dựng dự toán cho năm sau), lập kế hoạch kinh phí gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí kinh phí theo phân cấp quản lý ngân sách để triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm.

- Hỗ trợ, giới thiệu các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức, cá nhân có năng lực, uy tín giúp các địa phương xây dựng, phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung, đảm bảo truy xuất nguồn gốc, an toàn vệ sinh thực phẩm và tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với sơ chế, chế biến và tiêu thụ sản phẩm thông qua hợp đồng kinh tế.

- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch; tổ chức sơ kết, tổng kết và báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

- Nghiên cứu triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung, đảm bảo truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Đẩy mạnh việc hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ gia đình xây dựng, bảo hộ xác lập quyền sở hữu trí tuệ cho sản phẩm rau an toàn; hướng dẫn, hỗ trợ các chuỗi cung ứng sản phẩm rau an toàn thiết lập và áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc theo tiêu chuẩn quốc gia.

3. Sở Tài chính

Hàng năm, vào thời điểm xây dựng dự toán cho năm sau, trên cơ sở dự toán của các đơn vị liên quan xây dựng gửi Sở Tài chính theo đúng quy định, Sở Tài chính tổng hợp, cân đối theo khả năng ngân sách, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí kinh phí theo phân cấp quản lý ngân sách để triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Triển khai thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và một số chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ngành, địa phương liên quan tổng hợp nhu cầu, lập kế hoạch đầu tư phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung, chuyên canh, công nghệ cao trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan triển khai thực hiện chương trình hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường, giới thiệu và quảng bá, kết nối cung cầu,... để người tiêu dùng trong và ngoài nước có đủ thông tin về sản phẩm rau Gia Lai.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch Đầu tư thu hút các doanh nghiệp đầu tư các cơ sở sơ chế, nhà máy chế biến, bảo quản nông sản để nâng cao giá trị sản phẩm tham gia xuất khẩu và đáp ứng yêu cầu của thị trường tiêu thụ trong nước.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Có trách nhiệm chỉ đạo công tác kiểm tra tình hình sử dụng đất; có biện pháp xử lý đối với các trường hợp sử dụng đất không đúng mục đích theo đúng quy định.

- Hướng dẫn các địa phương, các hộ nông dân, doanh nghiệp... thực hiện việc giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định; quản lý, hướng dẫn công tác bảo vệ môi trường trong phát triển rau an toàn.

- Hướng dẫn các địa phương và người dân về việc quản lý, khai thác nước dưới đất theo đúng quy định tại Thông tư số 75/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bảo vệ nước dưới đất trong các hoạt động khoan, đào, thăm dò, khai thác nước dưới đất và các quy định có liên quan.

7. Sở Thông tin và Truyền thông

- Hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan thông tấn, báo chí hoạt động trên địa bàn tỉnh và hệ thống thông tin cơ sở thông tin, tuyên truyền Kế hoạch; đồng thời, thông tin, truyền thông về các mô hình chuyên đổi cơ cấu cây trồng kém hiệu quả sang phát triển sản xuất rau theo chuỗi giá trị có hiệu quả; cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển rau an toàn; các quy trình sản xuất rau theo tiêu chuẩn nông nghiệp tốt (VietGAP, GlobalGAP), nông nghiệp hữu cơ (Organic).

- Tăng cường, đẩy mạnh việc xúc tiến các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thông tin, nhất là công nghệ 4.0 vào hoạt động sản xuất, kinh doanh rau an toàn; ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu thông tin liên quan đến sản xuất rau an toàn.

8. Sở Y tế

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tăng cường công tác giám sát an toàn thực phẩm, đặc biệt giới hạn về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, hàm lượng kim loại nặng, hàm lượng vi sinh vật trong rau theo quy định quốc tế.

9. Sở Giao thông vận tải

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, các cơ quan có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố nghiên cứu, triển khai xây dựng hệ thống hạ tầng giao thông kết nối vùng sản xuất rau an toàn tập trung quy mô lớn, tạo thuận lợi để phát triển dịch vụ logistics, giảm chi phí vận tải, nâng cao năng lực cạnh tranh hàng hóa nông sản của tỉnh.

10. Các sở, ban, ngành liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý nhà nước được giao có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ liên quan trong Kế hoạch đã đề ra.

11. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Chỉ đạo triển khai thực hiện Kế hoạch trên địa bàn; xây dựng Đề án hoặc Kế hoạch thực hiện tại địa phương. Ưu tiên bố trí ngân sách cấp huyện và lồng ghép các nguồn vốn từ các chương trình, dự án để hỗ trợ phát triển sản xuất rau, nhất là rau an toàn có chứng nhận.

- Đưa các chỉ tiêu phát triển rau an toàn vào chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội hàng năm cho từng địa bàn cấp xã và làm cơ sở đánh giá, thi đua trên địa bàn cấp huyện.

- Khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển sản xuất, sơ chế, chế biến và tiêu thụ sản phẩm rau theo hình thức liên kết chuỗi giá trị bền vững. Hỗ trợ doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân, người dân trồng rau đẩy mạnh việc đầu tư ứng dụng khoa học công nghệ mới trong toàn bộ quá trình sản xuất nhằm tạo ra sản phẩm rau chất lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, có khả năng cạnh tranh cao.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành liên quan xây dựng, phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, thâm canh tập trung tại địa phương đảm bảo truy xuất nguồn gốc, an toàn vệ sinh thực phẩm, gắn với sơ chế, chế biến và thị trường tiêu thụ; chỉ đạo thực hiện có kết quả việc xây dựng các mô hình điểu về ứng dụng công nghệ cao, tưới tiên tiến, tiết kiệm nước và chứng nhận sản phẩm rau theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, Organic.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tăng cường công tác quản lý nhà nước về sản xuất, tiêu thụ rau an toàn trên địa bàn; đồng thời, chủ động tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện quy chế giám sát cộng đồng đối với việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm rau an toàn trên địa bàn quản lý.

- Định kỳ hàng năm sơ kết, đánh giá tình hình và kết quả thực hiện Kế hoạch trên địa bàn. Báo cáo kết quả thực hiện gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 15/11 hàng năm để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo đúng quy định.

12. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

Chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp phối hợp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức cho đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn về phát triển sản xuất rau an toàn, tập trung, đảm bảo truy xuất nguồn gốc, an toàn vệ sinh thực phẩm để tạo sự đồng thuận, chung sức và quyết tâm cao trong tổ chức thực hiện Kế hoạch. Đồng thời, vận động đoàn viên, hội viên, hình thành các câu lạc bộ, nhóm hộ để chia sẻ thông tin về thị trường tiêu thụ rau và hỗ trợ nhau trong việc ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến rau,...

13. Các doanh nghiệp/hợp tác xã sản xuất, sơ chế, chế biến, tiêu thụ sản phẩm rau

- Kịp thời nắm bắt thông tin thị trường, quy định pháp lý, tiêu chí, tiêu chuẩn của nước nhập khẩu và thị trường tiêu thụ trong nước để cung cấp thông tin, hướng dẫn, hỗ trợ người dân thực hành sản xuất đảm bảo yêu cầu, quy định về an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc rõ ràng; phục vụ nhu cầu sử dụng rau ngày càng đa dạng của người tiêu dùng trong nước, nhất là tiêu chuẩn khắt khe của thị trường nhập khẩu.

- Phối hợp với các địa phương, cơ quan, đơn vị quản lý liên quan đẩy mạnh xúc tiến thương mại, quảng bá phát triển thị trường tiêu thụ rau an toàn đến người tiêu dùng trong và ngoài nước.

- Chủ động xây dựng mối liên kết trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm rau an toàn theo chuỗi giá trị bền vững; đầu tư ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến vào sản xuất, chế biến sâu sản phẩm rau, tạo ra những thương phẩm có giá trị gia tăng lớn gắn

với việc xây dựng và triển khai ứng dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm để nâng cao khả năng cạnh tranh sản phẩm rau trên thị trường trong nước và thế giới, góp phần phát triển bền vững ngành hàng rau quả Gia Lai.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện “Đề án phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung, đảm bảo truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Yêu cầu các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, các đơn vị có liên quan phối hợp triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các nội dung nêu trên. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, khó khăn, các cơ quan, đơn vị báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) để phối hợp tháo gỡ kịp thời./.

Nơi nhận: Hà.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh (b/c);
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;
- Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, NL.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Mah Tiệp